

*

Số 4690 -QĐ/HVCTQG HCM

QUYẾT ĐỊNH

**công nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh đạt tương đương bậc 3
theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026**

- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 8488-QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Căn cứ Thông báo số 210-TB/HVCTQG ngày 09/3/2026 tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2026;
- Căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Anh đạt tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện;
- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Trung tâm Công nghệ và chuyển đổi số;
- Lưu văn thư, VQLĐTBD.

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Phúc Lâm

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐẠT TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC HỌC VIÊN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

DUYÊN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 4690 -QĐ/HVCTQG HCM ngày 12 tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành đăng kí dự tuyển	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Anh	28/07/1996	Nam	Quản lý kinh tế	6,63	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	16/08/2002	Nữ	Quản lý văn hóa	6,38	
3	Hoàng Văn Cường	01/04/1982	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,63	
4	Đoàn Văn Chính	01/01/2004	Nam	Lịch sử ĐCSVN	7,00	
5	Mai Thùy Dung	28/11/2003	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,25	
6	Nguyễn Thị Dung	07/10/1983	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,63	
7	Chu Vũ Tấn Dũng	12/02/1997	Nam	Quản lý kinh tế	6,00	
8	Nguyễn Thị Duyên	05/09/1997	Nữ	Quản lý nhà nước	6,50	
9	Nguyễn Doãn Thành Đạt	01/11/2000	Nam	Lý luận và lịch sử NN và PL	7,50	
10	Phạm Hồng Đức	31/03/1981	Nam	Quản lý kinh tế	7,00	
11	Ngô Thị Hoa	25/06/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	

12	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/06/1979	Nữ	Quản lý văn hóa	5,50	
13	Triệu Minh Hương	10/06/2001	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,63	
14	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	05/5/2002	Nam	Lịch sử Đảng CSVN	7,38	
15	Bùi Hà Phương Linh	05/10/2003	Nữ	Chính trị học	8,00	
16	Trần Thị Linh	26/11/1998	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7,50	
17	Ngô Văn Lưu	21/11/2004	Nam	Lịch sử ĐCSVN	6,75	
18	Nguyễn Linh Nga	09/02/1984	Nữ	Quản lý kinh tế	5,13	
19	Nguyễn Thị Ngân	15/04/1987	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,88	
20	Nguyễn Minh Tâm	18/09/2000	Nữ	Quản lý nhà nước	7,00	
21	Mông Anh Tuấn	13/03/2000	Nam	Lý luận và lịch sử NN và PL	5,50	
22	Nguyễn Hồng Tươi	26/12/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,75	
23	Trần Xuân Thành	16/10/1986	Nam	Pháp luật quyền con người	6,63	
24	Nguyễn Phương Thảo	11/09/1999	Nữ	Quản lý kinh tế	6,50	
25	Trịnh Thị Thảo	12/06/1986	Nữ	Quản lý kinh tế	6,50	
26	Nguyễn Đức Thịnh	10/07/1993	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,50	
27	Hoàng Thị Thu	22/05/1991	Nữ	Quản lý kinh tế	5,38	
28	Đỗ Ngọc Thuận	17/06/2003	Nam	Pháp luật quyền con người	6,75	
29	Đỗ Thị Tân Thủy	21/8/1980	Nữ	Quản lý kinh tế	5,00	

30	Đinh Thị Thúy	22/09/1990	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	6,63	
31	Trịnh Thị Trang	02/01/1990	Nữ	Quản lý kinh tế	5,88	
32	Vũ Thị Huyền Trang	30/09/1991	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,50	
33	Trương Công Vũ	14/11/2000	Nam	Quản lý kinh tế	6,25	
34	Trần Thị Diễm	01/01/1983	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,00	
35	Đinh Hữu Dương	01/07/1997	Nam	Pháp luật về quyền con người	5,13	
36	Trần Thị Mỹ Dương	05/06/2000	Nữ	Pháp luật về quyền con người	6,00	
37	Đặng Hoàng Em	20/4/1980	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,25	
38	Nguyễn Thị Hạnh	09/8/1982	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,25	
39	Nguyễn Công Hiệp	31/7/1991	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	
40	Phạm Thiệt Khả	01/01/1986	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,50	
41	Trần Huỳnh Lam	23/01/1997	Nam	Pháp luật về quyền con người	5,38	
42	Lê Thị Hồng Châu Long	20/11/1989	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,50	
43	Đinh Trường Quang Minh	22/02/1972	Nam	Pháp luật về quyền con người	5,50	
44	Thái Thái Ngọc	14/01/1989	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,00	
45	Hà Phú Quý	08/5/1988	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	
46	Phạm Thi Rô Sa	20/8/1988	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,25	
47	Huỳnh Tấn Tài	17/3/1988	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,50	

48	Ngô Thanh Nguyễn Hiếu Thảo	20/09/1985	Nữ	Pháp luật về quyền con người	5,50	
49	Lê Thị Thiên	29/01/1990	Nữ	Pháp luật về quyền con người	6,25	
50	Lý Văn Thông	01/01/1986	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	
51	Nguyễn Hiếu Thuận	08/3/1997	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	
52	Nguyễn Hoàng Thanh Thúy	03/12/1986	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	
53	Đỗ Hoàng Quỳnh Trang	26/11/1986	Nữ	Pháp luật về quyền con người	5,75	
54	Bùi Hải Vân	09/10/1995	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,88	
55	Nguyễn Tuấn Vũ	13/06/1999	Nam	Pháp luật về quyền con người	5,75	
56	Trần Thị Ngọc Y	09/4/1987	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	5,38	

(Danh sách có 56 thí sinh)